TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 10-5-2019
V/v "yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lữ Minh Luân.
Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê A - Sinh năm 1954 - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L. Người đại diện hợp pháp của ông Lê Ải: Bà Nguyễn Thị S - Sinh năm 1957 - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2019. Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Văn D - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện Đ1, tỉnh L (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ1 tỉnh L. Địa chỉ trụ sở: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn V - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Ado bà Nguyễn Thị S đại diện hợp pháp trình bày: Năm 2001 ông Trương Văn D vay tại Ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ1 (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 0,85%/tháng. Vào thời điểm vay, ông D đang công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đ1 nên ông A(là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đ1) đã ký bảo lãnh cho ông D vay tín chấp. Ông D không trả gốc và lãi đúng hạn nên Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ1 yêu cầu ông D trả gốc và lãi. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 13/2008/QĐST-DSTC ngày 04/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 đã quyết định ông D và ông Acó trách nhiệm liên đới trả cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ1 số tiền 17.161.910 đồng và lãi quá hạn của Ngân hàng tương ứng với số tiền chậm thi hành án. Ông D không thi hành án nên Ngân hàng đã yêu cầu ông Atrả nợ thay cho ông D. Ngày 24/12/2018 ông Ađã trả toàn bộ số nợ cho ông D là 32.380.447 đồng gồm 9.160.000 đồng tiền gốc và 23.220.447 đồng tiền lãi. Hiện ông Ayêu cầu ông D trả lại cho ông A32.380.447 đồng là số tiền mà ông Atrả thay cho ông D.

Bị đơn Trương Văn D vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ1 tỉnh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 21/3/2019, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng khai thống nhất với lời khai của đại diện nguyên đơn về các nội dung: thời gian vay năm 2001, người vay là ông D, số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,85%/tháng, hình thức vay tín chấp có bảo lãnh của thủ trưởng đơn vị là ông Lê Ải, Ngân hàng đã khởi kiện ông D tại Tòa án nhân dân huyện Đ1, sự việc được giải quyết bằng Quyết định số 13/2008/QĐST-DSTC ngày 04/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 và ngày 24/12/2018 ông Ađã trả tất nợ cho ông D nên Ngân hàng không có yêu cầu gì đối với ông D. Tại đơn không yêu cầu khởi kiện ngày 05/4/2019, Ngân hàng nêu rõ không khởi kiện đối với ông D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ1 phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D trả cho ông A32.380.447 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Lê Akhởi kiện ông Trương Văn D yêu cầu trả lại số tiền 32.380.447 đồng mà ông Ađã thi hành án toàn bộ thay cho ông D (trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ1 tỉnh L) theo Quyết định số 13/2008/QĐST-DSTC ngày 04/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 168/QĐ-THA ngày 10/6/2008 của Thi hành án dân sự huyện Đ1 nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ" theo quy định tại khoản 2 Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông D cư trú tại huyện Đ1, tỉnh L nên theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh L

[3]. Bị đơn Trương Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D không có bản khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ1 tỉnh L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ải:

[4.1]. Ông D vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được đối với ông D nhưng theo các biên bản xác minh ngày 01/3/2019 tại Công an xã M và tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đ1 xác định ông Trương Văn D có địa chỉ được ghi trong các tài liệu, chứng cứ do ông Acung cấp là khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh L với ông Trương Văn D có địa chỉ hiện nay tại ấp 1, xã M, huyện Đ1, tỉnh L là một người.

[4.2]. Người đại diện hợp pháp của ông Acho rằng ông D là người trực tiếp vay tiền, ông Achỉ ký xác nhận để cho ông D vay tín chấp, ông Akhông nhận tiền là có cơ sở vì phù hợp với bản tự khai ngày 21/3/2019 của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng, phù hợp với bản sao các tài liệu do Ngân hàng cung cấp gồm: hợp đồng tín dụng số 05602DSC, tờ cam kết trả nợ từ tiền lương hàng tháng, giấy đề nghị vay vốn, giấy ủy quyền cùng ngày 15/3/2001, giấy nhận tiền số MH0433 ngày 22/3/2001 đều thể hiện nội dung người vay tiền và người nhận tiền là ông D và phù hợp với các bản tự khai ngày 26/5/2008 của ông D, ông Avà người đại diện hợp

pháp của Ngân hàng, biên bản hòa giải ngày 26/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 để giải quyết vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông D.

[4.3]. Ông Ađã trả toàn bộ số tiền cho Ngân hàng thay cho ông D là phù hợp với bảng chiết tính tiền lãi, 02 chứng từ giao dịch số 12240063000065, số 12240063000066 cùng ngày 24/12/2018 của Ngân hàng về thời gian, số tiền đã trả là 32.380.447 đồng, nội dung "tất toán khế ước 05602DSC Trương Văn D" và khách hàng trả là Lê Ải.

[4.4]. Theo Quyết định số 13/2008/QĐST-DSTC ngày 04/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 168/QĐ-THA ngày 10/6/2008 của Thi hành án dân sự huyện Đ1 thì ông D và ông Acó trách nhiệm liên đới nhưng không xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng người trong phần liên đới là bao nhiêu. Từ mục [4.2] và mục [4.3] xác định ông D là người vay nên phải có trách nhiệm trả tiền, ông Ađã trả xong toàn bộ số tiền 32.380.447 đồng cho D nên yêu cầu của ông Alà có cơ sở chấp nhận toàn bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần phải buộc ông D trả cho ông A32.380.447 đồng.

[5] Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[6]. Từ những nhận định tại mục [4] đề nghị của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí: Yêu cầu của ông Ađược chấp nhận nên ông Akhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.619.022 đồng (*đã làm tròn số, cách tính 32.380.447 đồng x 5% = 1.619.022,35 đồng)* là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 288 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Avề việc "yêu cầu người có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ" đối với ông Trương Văn D.

Buộc ông Trương Văn D phải trả cho ông Lê Asố tiền 32.380.447 đồng (ba mươi hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Acho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng ông D còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Văn D phải chịu 1.619.022 đồng (một triệu, sáu trăm mười chín nghìn, không trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Akhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê A809.511 đồng (tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm mười một đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004394 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký***)**

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.